

Nhân tố ảnh hưởng chất lượng kiểm toán: Nhìn từ khía cạnh nhận thức của kiểm toán viên



PGS.TS. Đường Nguyễn Hưng*
Ths. Nguyễn Hải Yên*

Nhận: 25/12/2019

Biên tập: 05/01/2020

Duyệt đăng: 15/01/2020

Trên cơ sở bảng khảo sát được xây dựng dựa trên khuôn khổ chất lượng kiểm toán của Ủy ban Chuẩn mực Kiểm toán quốc tế (IAASB) và các nghiên cứu trước đây, tác giả đã thu thập các đánh giá của kiểm toán viên, thực hiện các phân tích khám phá EFA và Kiểm định Cronbach's Alpha. Kết quả có 4 nhân tố được xác định là các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán, bao gồm: tổ chức hoạt động kiểm toán của công ty kiểm toán, môi trường kiểm toán, đặc điểm khách hàng và kiểm toán viên. Kết quả này có ý nghĩa thực tiễn trong việc tổ chức hoạt động kiểm toán, đánh giá chất lượng kiểm toán và là tiền đề để thực hiện các nghiên cứu tiếp theo.

Từ khóa: Nhân tố ảnh hưởng, chất lượng kiểm toán, nhận thức của kiểm toán viên.

Abstract:

The objective of this study is to identify factors affecting audit quality through the perception of auditors in Danang. Using the survey, which is constructed based on the audit quality framework of the International Auditing Standards Committee (IAASB) and previous studies, the author has collected the auditors' assessments, implemented EFA analysis and Cronbach Alpha test. The finding includes four factors identified as factors that affect audit quality, including: Auditing organization of the audit firm, Auditing environment, Client characteristics, and Auditors. This result has practical implications in organizing audit activities, evaluating audit quality and is a basis for carrying out further studies.

1. Giới thiệu

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, của môi trường đầu tư, kinh doanh, chất lượng kiểm toán (CLKT) đòi hỏi phải không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, việc đo lường CLKT là một vấn đề khó khăn do đặc điểm định tính của dịch vụ kiểm toán. Nghiên cứu này thực hiện xác định các nhân tố ảnh hưởng đến CLKT thông qua nhận thức của kiểm toán viên trên địa bàn Đà Nẵng.

CLKT báo cáo tài chính (BCTC) được định nghĩa theo các quan điểm khác nhau, tùy thuộc vào góc nhìn của các đối tượng quan tâm. Theo DeAngelo (1981), CLKT được phân ảnh thông qua khả năng phát hiện và báo cáo sai phạm trọng yếu trong BCTC của công ty khách hàng.

Nhiều nhà nghiên cứu đã dựa trên quan điểm này để phát triển các lý luận của mình như Lam và

Chang (1994), Francis (2004)... Theo quan điểm này, một cuộc kiểm toán có chất lượng có nghĩa là kiểm toán viên cam kết đảm bảo về khả năng phát hiện và báo cáo sai phạm trọng yếu trong BCTC theo đúng các quy định chuẩn mực nghề nghiệp. Nhờ đó, người sử dụng BCTC đã được kiểm toán có thể tin tưởng vào thông tin được cung cấp trên BCTC. Có nhiều nhân tố cần được thực hiện để đạt được CLKT theo quan điểm như vậy. Các nhân tố này được nhiều tổ chức nghiên cứu và đưa ra các khuôn khổ CLKT.

Hiện nay, trên thế giới, một số tổ chức nghề nghiệp uy tín đã đưa ra một số khung hoặc khuôn khổ CLKT, chẳng hạn, khuôn khổ CLKT do Hội đồng BCTC Vương quốc Anh (FRC) ban hành; khuôn khổ CLKT theo Nghiên cứu của Hội đồng Giám sát kế toán công ty đại chúng Mỹ (PCAOB) và khuôn khổ CLKT của Ủy ban Chuẩn mực Kiểm toán quốc tế (IAASB). Trong nghiên cứu này, tác giả nhận thấy, khuôn khổ CLKT do IAASB ban hành năm 2014 là một khung đầy đủ, toàn diện và có những nội dung gần gũi, phù hợp với hoạt động kiểm toán thực tiễn tại Việt Nam.

* DH Kinh tế Đà Nẵng

Chính vì vậy, tác giả sẽ chọn khuôn khổ CLKT này làm cơ sở, nền tảng cho việc thiết lập các nhân tố ảnh hưởng đến CLKT khi thiết kế nghiên cứu cho đề tài này.

2. Thiết kế nghiên cứu

2.1. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến CLKT BCTC

Hiện nay, trên địa bàn Đà Nẵng, số lượng các công ty hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán không nhiều, xấp xỉ 10 công ty. Tất cả đều là những công ty có quy mô vừa và nhỏ. Mục đích của nghiên cứu này là xác định các nhân tố có thể ảnh

Bảng 1- Tổng hợp 21 biến quan sát nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán BCTC

Phân nhóm	Cấp độ	Biến quan sát	Ký hiệu
A - Nhóm biến quan sát thuộc về Đầu vào kiểm toán	KTV/ Nhóm kiểm toán	1. Trình độ chuyên môn của KTV	TRINHDO
		2. Kinh nghiệm làm việc của KTV	KINHNGHIEM
		3. Đạo đức nghề nghiệp, tinh độc lập và phẩm chất của KTV	DAODUC
		4. Thái độ đối với nghề nghiệp, công việc và tinh thần làm việc của KTV	THAIDU
		5. Áp lực trong công việc của KTV	APLUC
		6. Nhiệm kỳ kiểm toán khách hàng	NHIEMKY
Công ty kiểm toán	Nhà nước	1. Điều kiện, môi trường làm việc của công ty kiểm toán	DIEUKIEN
	Nhà nước	1. Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán	DAOTAO
B - Nhóm biến quan sát thuộc về Quá trình kiểm toán	Công ty kiểm toán	1. Hệ thống kiểm soát chất lượng của công ty kiểm toán	KSCL
		2. Chương trình, phương pháp kiểm toán	CHUONGTRINH
	Nhà nước	1. Kiểm soát chất lượng từ bên ngoài của Cơ quan quản lý Nhà nước	KSCLNGOAI
C - Nhóm biến quan sát thuộc về Ngữ cảnh	Công ty kiểm toán	1. Quy mô công ty kiểm toán	QUYMO
		2. Danh tiếng công ty kiểm toán	DANHTIENG
		3. Giá phí kiểm toán	GIAPHI
	Khách thể kiểm toán	1. Cấu trúc quyền sở hữu	CAUTRUC
		2. Hệ thống KSNB công ty khách hàng	KSNB
		3. Tính chất, tình trạng của lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của khách hàng	NGANHNGHE
		4. Tính chính trực và sự hiểu biết của Ban lãnh đạo về pháp luật	CHINHTRUC
		5. Sự tồn tại của KTNB	KTNB
Nhà nước	1. Các quy định pháp lý cho hoạt động kiểm toán	PHAPLY	
	2. Chiến lược phát triển ngành	CHIENLUOC	

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

Bảng 2- Thang đo Likert 5 bậc

Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
Anh hưởng rất thấp	Anh hưởng thấp	Anh hưởng trung bình	Anh hưởng nhiều	Anh hưởng rất nhiều

hưởng đến CLKT BCTC, thông qua sự đánh giá của các kiểm toán viên trên địa bàn Đà Nẵng. Do vậy, đề có cơ sở cho việc thiết kế bảng câu hỏi khảo sát đánh giá của các kiểm toán viên, cần xác định các nhân tố được xem là ảnh hưởng đến CLKT BCTC dựa trên: i) Sự kế thừa các nghiên cứu trong và ngoài nước; ii) Căn cứ vào các đặc điểm của môi trường kiểm toán tại Việt Nam,...

Việc phân nhóm các biến quan sát sẽ dựa trên khuôn khổ CLKT do IAASB ban hành và được điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hoạt động kiểm toán tại Việt Nam. Theo đó, 21 biến quan sát (thuộc 3 nhóm) được xác định là có ảnh hưởng quan trọng đến CLKT theo Bảng 1.

2.2. Xây dựng bảng câu hỏi và thu thập số liệu nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả chọn thang đo Likert 5 bậc để kiểm toán viên đo lường, đánh giá sự ảnh hưởng của mỗi biến quan sát đến CLKT. Nội dung cụ thể của 5 bậc như bảng 2.

Bảng 3 - Thông tin kiểm toán viên và công ty kiểm toán tham gia khảo sát

TT	Công ty	Quy mô	Số KTV trả lời	Số trợ lý KTV trả lời	Giới tính	
					Nam	Nữ
1	AAC	Vừa	24	29	55	18
2	ATAK	Nhỏ	6	8	4	5
3	AFA	Nhỏ	5	10	8	7
4	PDAC	Nhỏ	2	2	3	1
5	AVN	Nhỏ	5	8	9	4
6	AA	Nhỏ	1	1	1	1
7	AISC	Nhỏ	3	3	4	2
8	ITO	Nhỏ	2	2	3	1
Tổng cộng 141 KTV, trợ lý KTV trả lời			48	63	72	39
Tỷ lệ %/ tổng số			43,24%	56,76%	64,86%	35,14%

(Nguồn: Số liệu tự điều tra của tác giả năm 2016)

Trên cơ sở 21 biến quan sát thuộc 3 nhóm: (i) – Đầu vào kiểm toán, (ii) – Quá trình kiểm toán, (iii) – Ngữ cảnh đã được xác định ở trên, tác giả xây dựng Bảng câu hỏi khảo sát các kiểm toán viên thuộc các công ty kiểm toán độc lập trên địa bàn Đà Nẵng – những người trực tiếp tham gia vào cuộc kiểm toán để

đánh giá nhận thức của họ về các nhân tố có thể ảnh hưởng đến CLKT BCTC.

Tổng thể nghiên cứu là các kiểm toán viên, trợ lý kiểm toán viên ít nhất 2 năm kinh nghiệm trên địa bàn Đà Nẵng. Phương pháp chọn mẫu được lựa chọn là chọn mẫu phi xác suất thuận tiện. Kích thước mẫu cần cho nghiên cứu phụ thuộc vào nhiều yếu tố như phương pháp phân tích dữ liệu và độ tin cậy cần thiết. Trong nghiên cứu phân tích nhân tố EFA, cỡ mẫu thường được xác định dựa trên 2 yếu tố là kích thước tối thiểu và số lượng biến đo lường đưa vào phân tích. Trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp phân tích nhân tố EFA. với 21 biến quan sát, số lượng mẫu ít nhất cần có là $5 * 21 = 105$. Mẫu nghiên cứu thực tế được chọn gồm 115 kiểm toán viên, trợ lý kiểm toán viên ít nhất 2 năm kinh nghiệm thuộc các công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán trên địa bàn Đà Nẵng. Bảng câu hỏi khảo sát được gửi đến 115 kiểm toán viên, trợ lý kiểm toán viên được lựa chọn thông qua thư điện tử hoặc phỏng vấn trực tiếp.

Kết quả thu hồi được 111 phiếu hợp lệ, trong đó hình thức trực tiếp đạt 90 phiếu, hình thức gián tiếp qua email đạt 21 phiếu. Phiếu phản hồi có độ tin cậy cao và thể hiện kiểm toán viên/trợ lý kiểm toán viên có ý thức trả lời và am hiểu sâu sắc các nội dung trong phiếu khảo sát. Thông tin về kiểm toán viên và công ty kiểm toán trả lời phiếu khảo sát được thể hiện trong bảng 3, trang 23.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thống kê mô tả

Kết quả thống kê mô tả ban đầu của 21 biến quan sát thông qua khảo sát của 111 đáp viên được thể hiện trong bảng 4.

Tất cả các biến quan sát đều có giá trị lớn nhất là 4 hoặc 5, tương ứng với mức đánh giá của đáp viên là ảnh hưởng cao hoặc rất cao đến CLKT. Hầu hết các biến quan sát thuộc nhóm đầu vào kiểm toán có giá trị nhỏ nhất là 2, tương ứng với mức đánh giá ảnh hưởng thấp đến CLKT. Các biến quan sát thuộc nhóm Qua trình kiểm toán và nhóm Ngủ cảnh có giá trị thấp nhất, dao động ở mức 1, 2 và 3, tương ứng với mức đánh giá ảnh hưởng rất thấp, thấp hoặc trung bình đến CLKT.

Giá trị trung bình của hầu hết các biến đều có giá trị lớn hơn 3, trong đó có 2 biến

là Giá phi kiểm toán (GIAPHI) và kiểm soát chất lượng từ bên trong của công ty kiểm toán (KSCL) có giá trị trung bình lớn hơn 4 – tương ứng với mức đánh giá ảnh hưởng cao đến CLKT.

Bảng 4 - Phân tích mô tả các biến quan sát

Biến quan sát	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhóm biến thuộc Đầu vào kiểm toán				
TRINHDO	2	5	3,19	0,69
KINHNGHIEM	2	5	3,26	0,66
DAODUC	2	5	3,08	0,74
THAIIDO	2	5	3	0,77
APLUC	2	5	3,1*	0,61
NHIEMKY	2	4	3	0,52
DIEMKIEN	2	5	3,38	0,6*
DAOTAO	2	5	3,46	0,59
Nhóm biến thuộc về Quá trình kiểm toán				
KSCL	2	5	4	0,74
CHUONGTRINH	3	5	3,95	0,69
KSCLNGOAI	1	5	3,16	0,72
Nhóm biến thuộc về Ngủ cảnh				
QUYMO	2	5	3,24	0,68
DANHTRUC	3	4	3,19	0,61
GIAPHI	2	5	4,16	0,59
CMTRUC	1	4	2,71	0,76
KSNB	2	5	3,68	0,78
NGANHNGHE	2	4	3,16	0,64
CHINHDOUC	2	4	3,32	0,62
KTNB	2	4	3,3	0,63
PHAPLY	2	4	3,32	0,70
CHINLUOC	1	4	3,14	0,63

Bảng 5 - Chỉ số KMO và Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,529
Bartlett's Test Of Sphericity	Approx. Chi-Square	1345,303
	df	210
	Sig.	0,000

Bảng 6 -Ma trận xoay trong phân tích EFA

	Component						
	1	2	3	4	5	6	7
KSCL	0,842						
CHUONGTRINH	0,782						
DIEMKIEN	0,581						
CHIENLUOC	0,869						
KSCLNGOAI	0,860						
PHAPLY	0,558						
QUYMO	0,523						
CHINHTRUC		0,858					
KTNB		0,848					
NGANHNGHE		0,729					
DAODUC			0,825				
KINHNGHIEM			0,788				
THAIIDO			0,691				
TRINHDO			0,621				
GIAPHI				0,815			
DAOTAO				0,727			
APLUC					0,708		
KSNB						0,712	
NHIEMKY							0,716
CAUTRIC							0,639
DANHTRUC							0,639

3.2. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến CLKT BCTC

3.2.1. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Việc thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA giúp hình thành các nhóm và xác định được các nhân tố có thể ảnh hưởng đến CLKT. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA sau khi chạy số liệu của 21 biến quan sát từ 111 bản khảo sát cho ra kết quả như trong bảng 5, trang 24.

Hệ số KMO = 0,529 cho thấy sự phù hợp của việc phân tích EFA (0,5 < KMO < 1). Đồng thời Sig = 0,000 < 0,05 chứng tỏ các biến có tương quan với nhau trong tổng thể.

Bảng 6, trang 24 cho thấy, biến quan sát DANHTIENG không có hiệu lực, 20 biến quan sát còn lại được phân thành 7 nhóm. Tuy nhiên, các nhóm 5,6 và 7 mỗi nhóm chỉ gồm 2 biến quan sát, và nội dung các biến không có mối liên hệ với nhau, nên có thể dự đoán rằng các nhóm biến này sẽ không phù hợp trong nghiên cứu. Tuy nhiên, để đảm bảo độ tin cậy cho kết quả nghiên cứu, 20 biến quan sát còn lại được phân thành 7 nhóm sẽ được tiếp tục đo lường độ tin cậy Cronbach's Alpha để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến CLKT.

3.2.2. Đo lường độ tin cậy Cronbach's Alpha

Kết quả đo lường độ tin cậy Cronbach's Alpha của các nhóm nhân tố được thể hiện qua Bảng 7.

Biến QUY MÔ ở nhóm 3 các biến quan sát ở các nhóm 5, 6 và 7 đều có hệ số Cronbach's Alpha < 0,7, và hệ số tương quan biến - tổng < 0,4 nên các nhóm này đều không đảm bảo độ tin cậy và sẽ bị loại ra khỏi nghiên cứu.

Như vậy, dữ liệu sau khi thực hiện các bước phân tích nhân tố khám phá EFA và kiểm tra độ tin

cậy Cronbach's Alpha thông qua phần mềm SPSS, ta xác định được 4 nhân tố có thể ảnh hưởng đến CLKT. Trong đó, mỗi nhân tố được đo lường bởi ít nhất 3 biến quan sát và được đặt tên theo bảng 8.

Trong bảng 8, Nhân tố 1 - Tổ chức hoạt động kiểm toán của công ty kiểm toán bao gồm các nhân tố thể hiện công tác tổ chức kiểm toán trong công ty kiểm toán. Nhân tố 2 - Môi trường kiểm toán có đặc

Bảng 7 - Kết quả đo lường độ tin cậy Cronbach's Alpha

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted	Loại
Nhóm 1: C.Alpha: 0,713					
DIUKIEN	7,9459	1,633	0,435	0,735	
KSCL	7,3243	1,094	0,777	0,275	
CHUONGTRINH	7,3784	1,601	0,424	0,750	
Nhóm 2: C.Alpha: 0,523					
CHIENLUOC	10,7297	1,835	0,494	0,298	
KSCLNGOAI	10,7027	1,520	0,577	0,175	
PHAPLY	10,5405	1,614	0,535	0,229	
QUYMO	9,6216	3,019	-0,176	0,803	x
Nhóm 3: C.Alpha: 0,786					
NGANHNGHE	6,6216	1,328	0,564	0,775	
CHINHTRUC	6,4595	1,232	0,693	0,639	
KTNB	6,4865	1,234	0,624	0,712	
Nhóm 4: C.Alpha: 0,811					
KINHNGHIEM	9,8649	3,172	0,699	0,729	
THAI DO	10,3243	3,548	0,654	0,751	
DAODUC	9,6486	3,666	0,650	0,754	
TRINHDO	10,1351	4,100	0,525	0,809	
Nhóm 5: C.Alpha: 0,452					
GIAPHI	3,4595	0,360	0,297	-	x
DAOTAO	4,1622	0,246	0,297	-	x
Nhóm 6: C.Alpha: 0,465					
APLUC	3,6757	0,603	0,312	-	x
KSNB	3,7027	0,374	0,312	-	x
Nhóm 7: C.Alpha: -0,698					
NHIEMKY	2,7117	0,571	-0,277	-	x
CAUTRUC	3,0000	0,273	-0,277	-	x

Bảng 8 - Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán BCTC

Biến quan sát	Ký hiệu	Nhân tố
Điều kiện, môi trường làm việc của công ty kiểm toán	DIUKIEN	Tổ chức hoạt động kiểm toán của công ty kiểm toán
Hệ thống kiểm soát chất lượng của công ty kiểm toán	KSCL	
Chương trình, phương pháp kiểm toán	CHUONGTRINH	
Chiến lược phát triển ngành	CHIENLUOC	Môi trường kiểm toán
Kiểm soát chất lượng từ bên ngoài của Cơ quan quản lý Nhà nước	KSCLNGOAI	
Các quy định pháp lý cho hoạt động kiểm toán	PHAPLY	Đặc điểm khách hàng
Tình chất và tình trạng của lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của khách hàng	NGANHNGHE	
Tình chính trực và sự hiểu biết của ban lãnh đạo về pháp luật	CHINHTRUC	
Sự tôn tại của bộ phận KTNB	KTNB	
Trình độ chuyên môn của KTV	TRINHDO	Kiểm toán viên
Kinh nghiệm làm việc của KTV	KINHNGHIEM	
Đạo đức nghề nghiệp, tính độc lập và phẩm chất của KTV	DAODUC	
Thái độ đối với nghề nghiệp, công việc và tinh thần làm việc của KTV	THAI DO	

điểm chung là các hoạt động do cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện. Nhân tố 3- Đặc điểm khách hàng phản ánh các đặc điểm của khách hàng trong các cuộc kiểm toán. Cuối cùng, Nhân tố 4 - Kiểm toán viên bao gồm các đặc điểm năng lực và phẩm chất của kiểm toán viên. Có thể thấy rằng, các biểu quan sát còn lại trong nghiên cứu có sự liên kết chặt chẽ với nhau về mặt nội dung để tạo thành 4 nhân tố phù hợp với thực tế kiểm toán. Từ đó, có thể thấy kết quả nghiên cứu khám phá là có giá trị và đáng tin cậy.

4. Kết luận

Nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến CLKT, thông qua nhận thức của kiểm toán viên trên địa bàn Đà Nẵng. Việc xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến CLKT có ý nghĩa thực tiễn trong việc tìm ra các giải pháp, để tổ chức hoạt động kiểm toán và nâng cao CLKT BCTC của các công ty kiểm toán. Các nhân tố ảnh hưởng đến CLKT cũng là cơ sở để xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động kiểm toán của các công ty kiểm toán. Nghiên cứu này có thể là tiền đề để thực hiện các nghiên cứu tiếp theo liên quan đến các kiểm định về các nhân tố ảnh hưởng đến CLKT cũng như mức độ ảnh hưởng của các nhân tố này đến CLKT. □

Tài liệu tham khảo

- DeAngelo L.E. (1981), Auditor Size and Audit Quality, *Journal of Accounting and Economics*, 3, pp. 183-189
- Francis (2004), What do we know about audit quality?, *British Accounting Review*, Vol 36, No. 4, pp 345-350.
- IASB (2014), *A Framework for Audit Quality – Key Elements that create an environment for Audit Quality*. New York.
- Lam and Chang (1994), Auditor Service Quality and Auditor Size: Evidence from Initial Public Offerings in Singapore, *Journal of International Accounting, Auditing and Taxation* 3, pp 103-114.

Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức và hệ thống thông tin kế toán đến chất lượng báo cáo tài chính

Nguyễn Anh Hiền*
Trần Thị Thùy Tiên**

Nhận: 15/12/2019
Biên tập: 02/01/2020
Duyệt đăng: 12/01/2020

Bối cảnh nền kinh tế mở cửa và hội nhập ngày càng mạnh mẽ, chất lượng thông tin báo cáo tài chính của doanh nghiệp ngày càng đòi hỏi cao hơn. Nghiên cứu này là xác định ảnh hưởng của văn hóa tổ chức và hệ thống thông tin kế toán đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính.

Phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp định lượng thông qua việc khảo sát và phân tích 350 mẫu với đối tượng khảo sát, là các nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp đang hoạt động tại Bình Phước. Kết quả nghiên cứu cho thấy, văn hóa tổ chức và hệ thống thông tin kế toán có tác động tích cực đến chất lượng báo cáo tài chính.

Từ khóa: Văn hóa tổ chức, hệ thống thông tin kế toán, chất lượng báo cáo tài chính.

Summary

In the process of international economic integration and the increasing application of information technology, there is a demand for improving the financial statements quality of enterprises. The study objective is to determine the impact of organizational culture and accounting information system on the financial statements quality. The main research method is quantitative method through surveying and analyzing 350 samples with the survey object as the accountants in the businesses in Binh Phuoc province. The research results have shown that the organizational culture and the accounting information system have a positive impact on the quality of financial statements.

Keywords: Organizational culture, accounting information system, quality of financial statements.

* Đại học Sài Gòn

** Cục Thuế tỉnh Bình Phước